

T, ngày 26 tháng 8 năm 2019.

Số: 142/2019/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị H1, sinh năm 1989;

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn H2, sinh năm 1981;

Đều ở địa chỉ: xóm Đ 1, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Bùi Minh Q, sinh năm 1956 và bà Hoàng Thị P, sinh năm 1959.

Địa chỉ: xóm M 1, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Bùi Văn N, sinh năm 1986;

Địa chỉ: xóm Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

+ Ngân hàng Chính sách xã hội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th1 - Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông: Tăng Tiến S - Chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Việt T - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H1*: Bà Phạm Thị Th2, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H2*: Bà Bùi Thị Thanh Ng, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 35, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị H1 và anh Bùi Văn H2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Chị H1 và anh H2 có 02 (hai) con chung là cháu: Bùi Thảo Ng, sinh ngày 24/3/2007 và cháu Bùi Khánh T, sinh ngày 30/7/2014. Khi ly hôn, chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ng; anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T đến khi từng cháu thành niên, có khả năng lao động tự túc. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

2.2. *Về chia tài sản chung, công nợ*: Công nhận sự thoả thuận của chị H1, anh H2, ông Q, bà P, anh N và Ngân hàng Chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện T cụ thể như sau:

- ❖ Anh H2 được sở hữu các tài sản chung của vợ chồng đã được định giá theo Biên bản định giá ngày 02/8/2019 của Hội đồng định giá huyện T gồm:
 - 01 ngôi nhà 03 (ba) tầng có tổng diện tích khoảng 108 m², xây năm 2014 có giá: 173.315.000 đồng trên diện tích đất 36 m² (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có giấy tờ được quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013) ở xóm Đường xã Mỹ Thuận, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
 - Số hàng tạp hóa hiện có trị giá: 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng);

- Số tiền: 14.000.000 đồng do bán 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave RSX (hiện nay anh H2 quản lý).
- 01 tủ lạnh (tủ bảo quản) nhãn hiệu H1 phát có giá: 2.500.000đ;
- 01 tivi nhãn hiệu Samsung 43 Inch có giá là: 6.600.000đ;
- 01 máy giặt nhãn hiệu Toshiba, cửa trên có giá: 2.000.000đ;
- 01 máy lọc nước nhãn hiệu Krofi có giá: 3.300.000đ;
- 01 bình nước nóng nhãn hiệu Rossi có giá: 1.750.000đ;
- 01 bộ bàn ghế bằng gỗ Xoan có giá: 2.250.000đ;
- 01 kệ để tivi bằng gỗ Mít có giá: 11.200.000đ;
- 01 tủ bằng gỗ Xoan 03 buồng có giá: 3.000.000đ;
- 02 chiếc giường bằng gỗ Xoan có giá: 4.500.000đ;
- 01 chiếc tủ bếp bằng nhôm kính có giá: 1.450.000đ;
- 04 chiếc kệ để hàng bằng sắt có giá: 5.000.000đ.
- ❖ Ông Q, bà P được sở hữu 150m tường rào có giá: 21.250.000đ và 74 cây Xoan của anh H2, chị H1 làm ở trên thửa đất số 36, tờ bản đồ số 33 diện tích 519m² theo Giấy chứng nhận số N941111 do UBND huyện Th cấp ngày 26/12/1998 tại xóm Đ I, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ đứng tên hộ ông Bùi Văn Q.
- ❖ Ông Q, bà P có trách nhiệm thanh toán giá trị tường rào 21.250.000 đ cho anh H2. Anh H2 và chị H1 không yêu cầu định giá 74 cây Xoan và không yêu cầu ông Q, bà P phải thanh toán giá trị 74 cây Xoan.
- ❖ Anh H2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện T số tiền nợ gốc là: 15.000.000 đồng và tiền lãi theo Khế ước số: 6600000702374205 ngày vay 11/9/2014 và trả cho anh Bùi Văn N số tiền: 10.000.000 đồng. Anh H2 không phải trả bất kỳ khoản tiền lãi nào cho anh N do anh N không yêu cầu.
- ❖ Anh H2 có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn cho chị H1 số tiền: 131.000.000 đồng. Xác nhận ngày 19/8/2019, anh H2 đã thanh toán đủ cho chị H1 số tiền 131.000.000đ.
- ❖ Anh H2 được sở hữu giá trị tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là: 131.115.000 đồng.
- ❖ Chị H1 được sở hữu giá trị tài sản do anh H2 thanh toán chênh lệch chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn số tiền là: 131.000.000 đồng.

2.3. Về án phí: Chị H1 phải nộp 75.000 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 3.275.000 đ tiền án phí chia tài sản. Tổng cộng chị H1 có trách nhiệm nộp số tiền án phí là 3.350.000đ. Xác nhận chị H1 đã nộp 3.300.000đ tiền tạm ứng án phí. Chị H1 còn phải nộp 50.000đ tiền án phí sơ thẩm.

Anh H2 phải nộp 75.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 3.277.900 đ tiền án phí chia tài sản. Tổng cộng anh H2 phải nộp 3.352.900đ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

